

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin: Mã CK: VTM
Trụ sở chính: Đường Huỳnh Thúc Kháng, Phường Cẩm Đông, Thành phố
Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203.3862343

Fax: 0203.3864038

Người thực hiện công bố thông tin: VŨ ĐỨC LONG

Địa chỉ: Văn phòng Giám đốc - Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ -
Vinacomin

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0902108866

Fax: 0203.3864038

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2018

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019

Người thực hiện công bố thông tin



Vũ Đức Long

Số 234 / BC- ĐDTM

Quảng Ninh, ngày 04 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN
Năm báo cáo: 2018

I. Thông tin chung

Biểu tượng công ty:

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh
nghiệp cổ phần**

- Mã số doanh nghiệp: 5700477326.

Đăng ký lần đầu: ngày 22 tháng 12
năm 2013. Đăng ký thay đổi lần thứ:
5, ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN
THỢ MỎ- VINACOMIN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINACOMIN-
TRANSPORTATION AND MIER COMMUTING SERVICE JOINT STOCK
COMPANY

Tên công ty viết tắt: ĐDTM

2. Địa chỉ trụ sở chính

Phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh
Quảng Ninh, Việt Nam

- Điện thoại: 0333 862 343; Fax : 0333 864. 038

- Email : vpgd@tmcs.vn; Website : www.tmcs.vn

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 32.797.970.000 đồng (Ba mươi hai tỷ, bảy trăm bảy mươi chín
triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Mã cổ phiếu: VTM

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Họ và tên: PHAN VĂN CUÔNG Giới tính: Nam



Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/01/1965

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Giấy chứng minh nhân dân: 100232950

Ngày cấp: 31/3/2004

Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu Hòa Lạc, phường Cẩm Bình, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tô 3. Khu 6B, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Vận tải và đưa đón thợ mỏ tiên thân là Xí nghiệp Vận tải hành khách được thành lập ngày 01/01/1987 theo quyết định số 628 TCP/TCCB, là đơn vị trực thuộc Công ty Than Cẩm Phả.

Năm 2000, Xí nghiệp trực thuộc Công ty Vật tư Vận tải và xếp dỡ theo quyết định số 22/2000/QĐ-BCN ngày 05/4/2000 của Bộ Công nghiệp.

Ngày 01/01/2004 Xí nghiệp Vận tải và đưa đón thợ mỏ chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Vận tải và đưa đón thợ mỏ theo quyết định số 2910/QĐ-HDQT ngày 23/12/2003 của HDQT Tổng công ty Than Việt Nam, nay là Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty có 12 cổ đông, gồm Tập đoàn và 11 cổ đông là các công ty con của Tập đoàn.

Tháng 7/2011, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomín và cơ cấu lại cổ đông. Theo đó, Công ty có 693 cổ đông, gồm Tập đoàn và 692 cổ đông khác là người lao động trong công ty.

Từ tháng 12/2011, Công ty trở thành công ty đại chúng theo công văn số 4033/UBCK-QLPH ngày 30/11/2011 của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Thực hiện sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại Công văn số 3131/TKV-TCNS ngày 07/7/2015 về tăng vốn điều lệ và đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty cổ phần. Công ty đã tổ chức tiến hành các bước tăng vốn điều lệ và đăng ký giao dịch. Đến ngày 31/12/2015, Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5 với số vốn điều lệ là 32.797.970.000 đồng.

Từ ngày 01/02/2016, toàn bộ cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UPCOM của Sở GDCK Hà Nội và kết thúc quá trình thực hiện tăng vốn điều lệ và đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty, cụ thể:

- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 3.279.797 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch: 32.797.970.000 đồng (Ba mươi hai tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng)

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh

TT	Tên ngành nghề
1	Vận tải hành khách đường bộ khác
2	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
3	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

4	Khai thác và thu gom than cứng - Chế biến và kinh doanh than
5	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
6	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
7	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
8	Điều hành tua du lịch
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

- Địa bàn kinh doanh

Nhiệm vụ chính của Công ty là đưa đón công nhân các công ty khai thác, chế biến, kinh doanh than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam vùng Cẩm Phả - Hạ Long - Uông Bí đi làm hàng ngày đảm bảo an toàn; đáp ứng kịp thời phục vụ sản xuất các mỏ và không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ đưa đón công nhân. Ngoài ra, công ty còn thực hiện chuyên chở khách du lịch, dịch vụ vận chuyển than và sửa chữa thiết bị vận tải cho các khách hàng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, gồm: Đại hội đồng cổ đông - Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát

- Cơ cấu quản lý: Giám đốc, các Phó giám đốc, Trưởng các phòng ban và Quản đốc các phân xưởng.

- Sơ đồ tổ chức của Công ty:

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

+ Đảm bảo an toàn trong tất cả các lĩnh vực SXKD, luôn chú trọng an toàn đưa đón công nhân. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, hiệu lực quản lý và chất lượng phục vụ; xây dựng uy tín, thương hiệu của Công ty.

+ Bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho các cổ đông; đảm bảo đủ việc làm, ổn định thu nhập, đời sống cho CNCB trong Công ty vì sự phát triển ổn định, bền vững của Công ty.

+ Thực hiện tốt các nghĩa vụ, các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước và của Tập đoàn.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

+ Về sản xuất kinh doanh:

* Tăng trưởng, mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ đưa đón công nhân, dịch vụ tham quan du lịch, dịch vụ vận chuyển than và sửa chữa thiết bị. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất tại khu vực Cẩm Phả - Hạ Long - Uông Bí để ổn định sản xuất lâu dài. Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm cơ khí; liên kết với các đối tác để khai thác hệ thống bến xe cũng như các thế mạnh của Công ty theo chiến lược phát triển của công ty đã đề ra trong lộ trình năm 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

* Xây dựng đào tạo đội ngũ CBCNVC có trình độ kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, làm chủ được thiết bị công nghệ; có tác phong công nghiệp, có tư chất

ly

đạo đức tốt, với tinh thần kỷ luật và đồng tâm cùng nhau xây dựng công ty ngày càng phát triển bền vững. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất của Công ty. Đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức; rà soát, bố trí lao động các phòng ban, phân xưởng theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

* Xây dựng nếp sống văn hoá trong doanh nghiệp, làm tốt công tác thi đua khen thưởng, phát động phong trào thi đua tại các đơn vị, tổ đội, tại các phân xưởng góp phần động viên khích lệ CNV hoàn thành tốt công việc được giao.

* Xây dựng mối quan hệ với các đơn vị trong vùng, trong ngành, trong nước để nắm bắt kịp thời những thành tựu khoa học áp dụng trong ngành vận tải ô tô và sửa chữa thiết bị xe trung xa; những thông tin về thị trường, sản phẩm và các thông tin liên quan đến chiến lược phát triển của Công ty để có phương án điều chỉnh kịp thời.

+ *Về tài chính:* Duy trì tình hình tài chính lành mạnh, ổn định đúng quy định. Tích cực tìm nguồn vốn đáp ứng nhu cầu phục vụ SXKD với chi phí thấp. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các khoản thu chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; việc quản lý, sử dụng tài sản và các nguồn hình thành tài sản. Theo dõi và tăng cường quan hệ đối chiếu công nợ với các đơn vị khách hàng và các ngân hàng để có đủ tài chính phục vụ sản xuất. Theo dõi và cân đối tài chính để thanh toán cho các đối tượng phải trả.

+ *Về đời sống của CBCNV:* Đảm bảo đủ việc làm, ổn định thu nhập, cải thiện đời sống tinh thần vật chất của người lao động. Thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước, của cấp trên về chế độ chi trả bồi dưỡng độc hại, BHLĐ và mua BHXH, BHYT, BHTN, khám sức khỏe định kỳ cho CNLĐ theo quy định. Duy trì cơ chế trả lương gắn với chất lượng sản phẩm dịch vụ và hiệu quả công việc; đảm bảo sự công bằng công khai khuyến khích người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Các mục tiêu phát triển bền vững

+ Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý của hệ thống toàn Công ty, phát huy tinh thần đổi mới và sáng tạo trong bộ máy lãnh đạo, quản lý, tiếp tục kiện toàn bộ máy lãnh đạo quản lý của Công ty. Thực hiện tốt chiến lược phát triển Công ty năm 2015- 2020 tầm nhìn đến năm 2030. Thực hiện tốt công tác tuyển dụng và đào tạo đảm bảo chất lượng, phù hợp yêu cầu cho quản lý, sản xuất và kinh doanh, phù hợp với điều kiện công việc của các đối tượng tham gia, với mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tiếp tục rà soát sửa đổi bổ sung hệ thống quy chế, quy định và quản lý nội bộ. Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong mọi hoạt động của Công ty.

+ Trên cơ sở phân tích chính sách vĩ mô của Chính phủ, kế hoạch phối hợp kinh doanh ký với Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam và diễn biến của thị trường đặc biệt là thị trường vốn và tài chính; xây dựng và điều chỉnh linh hoạt kế hoạch SXKD đảm bảo an toàn hiệu quả và phát triển bền vững hài hòa với lợi ích xã hội, thân thiện với môi trường. Sử dụng hiệu quả các dự án đầu tư

thiết bị, công nghệ, các công trình xây dựng. Nghiên cứu, lựa chọn xây dựng kế hoạch đầu tư đáp ứng yêu cầu SX của Công ty giai đoạn tiếp theo.

+ Phát động các phong trào thi đua phân đấu hoàn thành kế hoạch; phong trào tổ xe máy giành năng suất cao, các hoạt động văn hoá thể thao nhằm động viên CBCNV năng động sáng tạo, tích cực ứng dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, phấn đấu xây dựng môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiệu quả vì sự phát triển bền vững của Công ty.

5. Các rủi ro

Trong hoạt động kinh doanh của mình, công ty có nguy cơ gặp các rủi ro như sau:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro đặc thù
- Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán
- Rủi ro khác

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của công ty.

- **Rủi ro thị trường:** Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

+ *Rủi ro tiền tệ:* Rủi ro về tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi về tỷ giá. Công ty gần như không bị ảnh hưởng của rủi ro ngoại tệ do giá trị tài sản của công ty có gốc ngoại tệ là rất thấp

+ *Rủi ro lãi suất:* Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi về lãi suất. Rủi ro này của công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn với lãi suất thả nổi.

+ *Rủi ro giá:* Rủi ro về giá chủ yếu mà công ty phải đối mặt là biến động giá của nguyên, nhiên vật liệu đầu vào và đơn giá dịch vụ vận chuyển công nhân, vận chuyển than giảm...

- **Rủi ro tín dụng:** Rủi ro tín dụng là rủi ro công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác/chủ đầu tư của công ty không thể thực hiện

các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của công ty.

- **Rủi ro thanh khoản:** Rủi ro thanh khoản là rủi ro công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của công ty và luồng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của công ty.

- **Rủi ro đặc thù:** Công ty cổ phần Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin là Công ty hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực vận tải. Bên cạnh đó, do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam vừa là cổ đông lớn (nắm giữ 95,24% vốn điều lệ), vừa là khách hàng lớn và cũng là nhà cung cấp của Công ty. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng từ kết quả hoạt động của ngành than như việc các mỏ giảm sản lượng khai thác tiêu thụ than dẫn tới giảm đưa đón công nhân đi làm, việc tái cơ cấu lao động dẫn tới giảm số lượng lao động tại các mỏ, việc các mỏ chậm thanh toán tiền dịch vụ đưa đón công nhân cũng gây khó khăn về tài chính của Công ty. Như vậy, ngoài những rủi ro của ngành vận tải, Công ty phải chịu thêm những rủi ro trên của ngành than cũng như rủi ro biến động giá cả, rủi ro về sự thay đổi theo hướng bất lợi của thời tiết,...

- **Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán:** Cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá cổ phiếu của Công ty sẽ là một phần cấu tạo nên và do đó chịu ảnh hưởng của sự biến động chung của thị trường chứng khoán Việt Nam, và rộng hơn là tình hình chung của thị trường chứng khoán thế giới. Trong ngắn hạn, giá cả của cổ phiếu ít chịu ảnh hưởng của các biến số như tình trạng nền kinh tế hay doanh thu của công ty mà sẽ được quyết định bởi quy luật cung - cầu, tâm lý của nhà đầu tư và thậm chí cả những yếu tố phi kinh tế khác. Đây là những biến số ngẫu nhiên, thiếu tính ổn định và khó có thể dự đoán trước, qua đó, chúng làm gia tăng rủi ro biến động giá cho nhà đầu tư.

- **Rủi ro khác:** Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động lãi suất, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giám sát và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh



1.1 Tài chính:

ĐVT: VND

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	300.574.699.646	306.571.414.869
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	300.574.699.646	306.571.414.869
4	Giá vốn hàng bán	11	255.137.225.487	263.703.625.403
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	45.437.474.159	42.867.789.466
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	9.317.346	9.946.165
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	7.749.636.114	4.729.539.269
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	7.749.636.114	4.729.539.269
8	Chi phí bán hàng	25		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33.083.717.942	33.739.773.034
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	4.613.437.449	4.408.423.328
11	Thu nhập khác	31	1.109.951.682	1.131.285.281
12	Chi phí khác	32	682.417.085	238.419.644
13	Lợi nhuận khác	40	427.534.597	892.865.637
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	5.040.972.046	5.301.288.965
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.161.747.955	1.251.191.450
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3.879.224.091	4.050.097.515
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.183	1.235

ly

1.2. Thực hiện kế hoạch SXKD

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2018	TH NĂM 2018	So sánh (%)	
					KH 2018	Thực hiện năm 2017
I	Sản lượng					
1	Hành khách	HK	5.700.000	6.044.604	106,0	100,5
2	Tkm chở CN	Tkm	31.000.000	30.409.617	98,1	109,6
3	Tkm v/c than	Tkm	325.000	91.932	28,3	32,4
II	Doanh thu	Tr đ	286.600	307.712	107,4	102,0
1	Vận chuyển CN	Tr đ	274.000	296.716	108,3	103,2
2	Vận v/c than	Tr đ	1.100	324	29,5	36,6
3	S/C xe	Tr đ	10.000	8.383	83,8	77,5
4	Thu khác	Tr đ	1.500	2.289	152,6	92,4
III	Chi phí	Tr đ	281.580	302.411	107,4	101,9
IV	LN trước thuế	Tr đ	5.020	5.301	105,6	105,2
V	LĐ bình quân	Người	940	897	95,4	94
VI	TN bình quân	1000đ ng/th	7.092	8.091	114,1	111,6

Năm 2018, kinh tế nước ta có sự tăng trưởng, phát triển, GDP tăng 7,08%. Chính phủ đã có các biện pháp chỉ đạo điều hành kiểm soát tốt lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng. Tình hình SXKD của TKV và các đơn vị thành viên có nhiều thuận lợi kể cả về sản lượng khai thác, tiêu thụ và giá bán sản phẩm. Đối với Công ty, dịch vụ đưa đón công nhân ổn định, dịch vụ vận chuyển than và sửa chữa xe ngoài còn có khó khăn. Một số yếu tố chi phí SX phát sinh tăng như: Thuế sử dụng đất, thuê xử lý nước thải, thuê kiểm toán và đánh giá tác động môi trường, phí qua trạm BOT Biên Cương làm tăng chi phí SX. Tuy nhiên, Công ty đã có các biện pháp chỉ đạo quyết liệt trong tổ chức, điều hành sản xuất, quản trị nội bộ, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD. Tổ chức sản xuất đảm bảo an toàn, an ninh trật tự. Giữ vững an toàn về tài sản, về vốn và con người. Quản trị doanh nghiệp hiệu quả; bảo toàn phát triển vốn Chủ sở hữu; đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cổ đông, thực hiện thành công Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018. *ly*

2. Tổ chức - Nhân sự

- Danh sách ban điều hành:

T T	Họ và tên	Năm sinh	Nghề nghiệp	Chức vụ	Trú quán	Số CP sở hữu
1	Ông: Phan Văn Cường	24/01/1965	Kỹ sư ô tô máy kéo	Giám đốc	Tổ 1, khu Hoà Lạc, Phường Cẩm Bình, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.	1.073
2	Ông: Lương Văn Hiếu	06/10/1963	Kỹ sư Cơ khí ô tô	Phó GD	Tổ 5, khu Tân Lập 4, phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.	1.073
3	Ông: Hoàng Minh Sơn	28/7/1971	Kỹ sư Cơ khí ô tô	Phó GD	Tổ 31, Hoà Lạc, phường Cẩm Bình, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.	1.073
4	Ông: Đỗ Thanh Tùng	16/11/1979	Cử nhân Kế toán	Kế toán trưởng	Tổ 7, khu Tân Lập 4, phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	0

- **Những thay đổi trong ban điều hành:** Năm 2018 Công ty có sự thay đổi trong ban điều hành như sau: Hội đồng quản trị ban hành quyết định số: 36/QĐ-ĐDTM ngày 01/6/2018 về việc bổ nhiệm ông Đỗ Thanh Tùng giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty từ ngày 01/6/2018.

- Số lượng cán bộ nhân viên, chính sách đối với người lao động

+ Lao động bình quân là 897 người, Công ty không có hợp đồng lao động ngắn hạn.

+ Chính sách đối với người lao động:

* Chế độ đối với người lao động được thực hiện theo đúng các qui định của Nhà nước, của Tập đoàn và HĐQT Công ty về quản lý tiền lương và tiền thưởng phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của Công ty. Ban hành qui chế quản lý, sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng cũng như qui định thanh toán lương, trả lương theo chỉ tiêu giao khoán đến từng đơn vị trong Công ty. Mọi sản phẩm đều có đơn giá, tiền lương và được gắn liền với số lượng, chất lượng sản phẩm; trả lương trực tiếp đến người lao động, đúng kỳ hạn.

* Về tiền lương: Hiện nay, Công ty đang áp dụng quy chế quản lý LĐTL và thu nhập theo các văn bản của Nhà nước và của Tập đoàn, trả lương theo doanh thu, khoán sản phẩm theo khối lượng, chất lượng công việc hoàn thành.

* Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất; trong thời gian qua, Công ty đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBCNV trong

việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề CNVC, tạo phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

* Về chính sách khen thưởng: Để khuyến khích người lao động, Công ty ban hành quy chế thi đua khen thưởng, định kỳ tổ chức xét duyệt phong trào thi đua và có các phần thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích đóng góp trong LĐSX. Bên cạnh đó công ty cũng áp dụng các quy định bồi thường trách nhiệm vật chất đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, thương hiệu của Công ty.

* Công tác đời sống đối với CBCNV: Công ty luôn quan tâm, đảm bảo đủ việc làm ổn định thu nhập cho người lao động theo đúng quy định. Trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng. Công ty thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động, đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất trực tiếp, chế độ nghỉ dưỡng sức, thăm hỏi động viên, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc cho người lao động.

3. Về đầu tư, thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn. *Thực hiện kế hoạch Đầu tư-Xây dựng năm 2018*

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐVT	KẾ HOẠCH		THỰC HIỆN		GHI CHÚ
			Số lượng	Giá trị (Tr.đ)	Số lượng	Giá trị (Tr.đ)	
I	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI			2.139			
1	Đầu tư XD Trạm biến áp 250KVA-22/0,4 KV năm 2018	cái	1	817	1	652	
2	Mua 03 xe ô tô chở công nhân năm 2018	cái	3	1.322	3	1.137	
II	CHUẨN BỊ DỰ ÁN			1.250			
1	Đầu tư xe ô tô chở công nhân duy trì sản xuất			1.000			
2	Đầu tư xây dựng nhà xưởng phục vụ ĐHVТ khu vực Uông Bí năm 2018			250			
	Tổng cộng			3.389		1.789	

Trong năm 2018, Công ty thực hiện các dự án đầu tư được ghi trong KHĐT năm 2018 đảm bảo chất lượng, tiến độ đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

Trong quá trình thực hiện dự án như: Lập dự án, Quản lý dự án, lập, phê duyệt HSMT, đăng tải, mở thầu, xét thầu và phê duyệt kết quả đấu thầu, ký kết thực hiện hợp đồng... được công ty thực hiện đúng theo pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn về quản lý đầu tư xây dựng của Tập đoàn và của Nhà nước.

Năm 2018, giá trị đầu tư thực hiện (tăng tài sản): 1,79 tỷ đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có các công ty con, công ty liên kết *ly*

4. Tình hình tài chính

a) Về tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	% tăng (+) giảm (-)
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng			
Tổng giá trị tài sản	147.487.856.034	112.371.822.045	76,2%
Doanh thu thuần	300.574.699.646	306.571.414.869	102%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.613.437.449	4.408.423.328	95,56%
Lợi nhuận khác	427.534.597	892.865.637	208,8%
Lợi nhuận trước thuế	5.040.972.046	5.301.288.965	105,2%
Lợi nhuận sau thuế	3.879.224.091	4.050.097.515	104,4%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	6%	6%	100%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

S TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,656	0,685	
	- Hệ số thanh toán nhanh: <u>TS ngắn hạn-Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,613	0,615	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,74	0,657	
	- Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	2,85	1,92	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	110,85	72,68	
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,037	2,728	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,013	0,013	

ly



- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,101	0,105	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,026	0,036	
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,015	0,014	

Thực hiện đầy đủ chính sách thuế với Nhà nước, các chế độ chi trả BHXH, BHYT, KPCĐ,... liên quan tới người lao động. Duy trì thực hiện tốt đối chiếu và thanh toán công nợ, đến nay không có trường hợp nợ khó đòi. Năm 2018 đã nộp ngân sách với Nhà nước 17,066 tỷ đồng và trả phí sử dụng thương hiệu với Tập đoàn TKV theo quy định.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 3.279.797 cổ phiếu

- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch: 32.797.970.000 đồng (Ba mươi hai tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng)

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Tên cổ đông	Phần vốn góp (đồng)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	31.238.090.000	95,24	3.123.809
2	Người lao động trong Công ty	1.559.880.000	4,76	155.988
	Cộng	32.797.970.000	100	3.279.797

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

e) Các chứng khoán khác:

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a). Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Dầu diesel : 4.021.783 lít

- Dầu nhớt : 50.629 lít

- Mỡ máy : 16.119 Kg

- Săm lốp : 1.220 bộ

- Bình điện : 140 bình

- Chi phí vật tư: 13,602 tỷ đồng

b) Báo cáo phần trăm tỷ lệ nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có

CỔ ĐÔNG
CỔ ĐÔNG
CỔ ĐÔNG
CỔ ĐÔNG
CỔ ĐÔNG

6.2. Tiêu thụ năng lượng: Năng lượng tiêu thụ của Công ty chủ yếu là dầu diesel phục vụ cho công tác vận hành các thiết bị vận tải (chuyên chở công nhân và vận chuyển hàng hóa). Ngoài ra còn một số thiết bị cơ điện tiêu thụ điện năng (văn phòng, chiếu sáng và điều hòa nhiệt độ...

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả, như: Thay thế các bóng đèn sợi đốt cũ bằng bóng đèn led thế hệ mới tiết kiệm điện năng. Tận dụng ánh sáng tự nhiên nhờ việc dùng tấm lợp lấy ánh sáng mái nhà xưởng Công ty. Giao tiết kiệm điện 10% cho từng đơn vị sản xuất.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nguồn cung cấp nước phục vụ cho sinh hoạt và công nghiệp là nguồn nước do xí nghiệp nước Cẩm Phả, Hạ Long, Uông Bí.

Lượng nước sử dụng trong năm 2018 là: 30.771 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và sử dụng: Công ty có hệ thống trạm xử lý nước thải của Công ty Môi trường -TKV, sau khi xử lý được tận dụng vệ sinh gầm xe.

6.4. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (Tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Công ty hàng năm đều có kết quả quan trắc môi trường mỗi năm 2 lần, các chỉ tiêu đều đạt chuẩn cho phép.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động bình quân: 897 người; mức lương trung bình: 8.091.000 đ/người/tháng

b) Thường xuyên duy trì và có nhiều biện pháp cải thiện điều kiện cơ sở vật chất tại nơi làm việc cho người lao động như: Hệ thống nhà xưởng khu Điều hành vùng Uông Bí, Hạ long và các thiết bị phục vụ ăn ở cho công nhân ...Đồng thời tổ chức tốt các hoạt động xã hội theo chủ trương của ngành than cũng như của địa phương như: Các hoạt động trợ giúp gia đình công nhân xây dựng nhà ở, chăm lo và giải quyết giúp đỡ các gia đình công nhân khó khăn, ốm đau. Tổ chức các hình thức tham quan du lịch và nghỉ điều dưỡng sức khỏe cho người lao động theo chế độ. Vận động cán bộ công nhân viên chức đóng góp ủng hộ các quỹ của Công ty, ngành than và tỉnh Quảng Ninh và làm từ thiện với các tổ chức xã hội trong và ngoài tỉnh cũng như các phường trên địa bàn. Ngoài ra Công ty còn duy trì tốt các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao nội bộ và tham gia các giải phong trào, hoạt động do Tập đoàn TKV tổ chức. Tổ chức các hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể thao với các phường xã, doanh nghiệp trên địa bàn. Thống nhất

chỉ đạo phong trào thi đua lao động sản xuất trong toàn công ty. Điển hình như các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch năm vào dịp 12/11, phong trào thi đua dành năng suất cao, phong trào thi đua chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm được phát động và duy trì thường xuyên hàng tháng, hàng quý. Qua các đợt thi đua đã nâng cao hiệu quả quản lý, tăng năng suất lao động và thực hiện tốt các mục tiêu công trình trọng điểm của Công ty trong năm. Tổ chức phát động các đợt thi đua tuần lễ quốc gia về An toàn- Vệ sinh lao động- Phòng chống cháy nổ, các hoạt động bảo vệ môi trường, duy trì phối hợp công tác tự quản an ninh trật tự xã hội trên địa bàn. Các hoạt động trên cũng đã góp phần tích cực vào kết quả hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu thi đua của Công ty trong phong trào thi đua do Tập đoàn TKV phát động, chỉ đạo thực hiện. Thực hiện Cuộc vận động " Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Công ty đã ký kết thực hiện các hợp đồng mua vật tư nguyên, nhiên vật liệu phục vụ sản xuất đúng Luật và theo dẫn của TKV với giá cả cạnh tranh, đảm bảo chất lượng, thời gian cung cấp; ưu tiên mua các mặt hàng các đơn vị trong TKV sản xuất và hàng hoá có xuất xứ trong nước.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Huấn luyện cho mạng lưới ATVSLĐ năm 2018 được 57/57 người.

Triển khai tổ chức thực hiện huấn luyện công tác ATVSLĐ:

- Đối tượng nhóm 1 huấn luyện lần đầu: 16 người
- Đối tượng nhóm 1 huấn luyện định kỳ: 03 người
- Đối tượng nhóm 2 huấn luyện định kỳ: 09 người
- Đối tượng nhóm 2 huấn luyện lần đầu: 01 người
- Đối tượng nhóm 3 huấn luyện định kỳ: 67 người
- Đối tượng nhóm 3 huấn luyện lần đầu: 07 người
- Tập huấn và cấp chứng chỉ Giảng viên ATVSLĐ: 04 người

Ngoài ra, Công ty còn mở các lớp huấn luyện, kiểm tra cho công nhân các nghề đòi hỏi nghiêm ngặt về an toàn; huấn luyện cho mạng lưới an toàn vệ sinh viên, lực lượng phòng cháy, chữa cháy; tập huấn cho tổ trưởng tổ sản xuất nhằm nâng cao, bổ sung kiến thức quản lý trong công tác AT, VSLĐ, BHLĐ, PCCC.

Công ty tiến hành mở các lớp bồi dưỡng, học tập lý thuyết, thi tay nghề nâng bậc cho công nhân lái xe và thợ các loại để nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động. Kết quả 87 CNKT đạt yêu cầu được nâng bậc.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Tổ chức thăm hỏi gia đình gặp khó khăn và ủng hộ các tổ chức xã hội trên địa bàn, như: tặng quà cho các trường trên địa bàn vào các dịp khai giảng, trung thu và Ngày Nhà giáo Việt Nam, hỗ trợ cho các gia đình khó khăn của phường Cẩm Đông, Hội người mù Tỉnh, Hội chữ thập đỏ, quỹ bảo trợ trẻ em, thăm, tặng quà nạn nhân chất độc da cam em Trần Mạnh Quỳnh - phường Hồng Hải (Hạ Long) với số tiền 500.000 đồng/tháng. *ly*

Công ty tổ chức tưới nước dập bụi tại khu vực Bến xe Độc Lập ra đường cầu II đảm bảo 3 lần/ngày để đảm bảo môi trường khu dân cư.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Công ty có báo cáo đầy đủ theo quy định.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch


ĐVT: Triệu đồng

S T T	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ % so với kế hoạch	Tỷ lệ % so với năm 2017
1	Giá trị sản xuất kinh doanh				
-	Vé xe chở công nhân	5.700.000	6.044.604	106,0	100,5
-	TKm chở công nhân	31.000.000	30.409.617	98,1	109,6
2	Tổng doanh thu (Trđ)	286.600	307.712	107,4	102,0
3	Lợi nhuận trước thuế (Trđ)	5.020	5.301	105,6	105,2
4	Nộp ngân sách (Trđ)		17.066		96,1
5	Thu nhập BQ (đ/ng/tháng)	7.0920.000	8.091.000	114,1	111,6
6	Đầu tư (Trđ)	3.389	1.789	52,8	136,6
7	Tỷ lệ chia cổ tức %	6	6	100,0	100,0

Trong năm, song chất lượng dịch vụ đưa đón công nhân và chở khách tham quan du lịch được duy trì tốt. Dịch vụ sửa chữa xe ngoài đảm bảo tiến độ, chất lượng sửa chữa, bảo hành; duy trì được đội ngũ thợ sửa chữa lành nghề.

Giám đốc - Ban thường vụ Công đoàn Công ty đã ban hành kế hoạch phát động phong trào thi đua năm 2018 động viên toàn thể CNCB thi đua lao động sản xuất, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục CNLD hiểu rõ những khó khăn, cơ hội phát triển của Công ty và có ý thức, trách nhiệm cùng vượt khó, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ trên từng cương vị công tác. Qua đó, năm 2018, SXKD của Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch Tập đoàn giao, việc làm, thu nhập được ổn định, đời sống tinh thần vật chất của người lao động được cải thiện.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được

+ Công tác kế hoạch, điều hành sản xuất: Đã hoạch định phương hướng sản xuất đúng đắn giữa các khâu trong quá trình sản xuất; đầu tư thiết bị phù hợp với điều kiện thực tế phục vụ đưa đón công nhân các mỏ, nâng cao chất lượng phục vụ, tạo nên dịch vụ tiên tiến, hiện đại. Công ty đã gắn mục tiêu hoàn thành kế hoạch với chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh tế, xây dựng cơ chế dân chủ công khai, bình đẳng giữa các đơn vị, từ đó phát huy tối đa nội lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chung của Công ty. 

+ Công tác Tổ chức- Quản lý:

Tổ chức, sắp xếp, các phân xưởng sản xuất phù hợp với yêu cầu sản xuất, nâng cao chất lượng quản lý, chất lượng lao động. Tinh giảm bộ máy, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành sản xuất, lao động, phụ trợ; đồng thời có kế hoạch thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để phát triển Doanh nghiệp. Bổ sung, ban hành các Quy chế quản lý theo quy định của Tập đoàn và của Nhà nước phù hợp với thực tế của Công ty.

Kịp thời giao kế hoạch sản xuất cho các đơn vị trong Công ty, bàn biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch được giao từ cấp tổ sản xuất đến cấp phân xưởng. Trên cơ sở kế hoạch SXKD do ĐHĐCĐ đề ra, công ty đã chủ động cân đối kế hoạch khoán quản trị và tiết giảm chi phí, giao khoán chi phí sản xuất cho các đơn vị và đến từng đầu thiết bị. Tuyên truyền, giáo dục việc thực hiện tiết kiệm chi phí, văn hóa chi tiêu tiết kiệm trong mọi lĩnh vực. Từ đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác khoán quản trị và tiết giảm chi phí của các đơn vị giúp cho công tác điều hành sản xuất, quản trị chi phí năm 2018 đạt hiệu quả.

Tổ chức quản lý tài chính một cách chủ động, linh hoạt, theo đúng quy định. Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, chủ động khai thác các nguồn vốn vay đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ kế hoạch SXKD; chủ động thu hồi công nợ, không có nợ xấu; tài chính của Công ty lành mạnh.

Công tác quản lý vật tư đã được thực hiện từ việc mua bán, đến quản lý vật tư; theo dõi cấp phát đến từng thiết bị, thực hiện tốt việc thu cũ đổi mới. Vật tư được cung cấp đầy đủ, kịp thời phục vụ sản xuất với giá cả cạnh tranh. Hệ thống kho tàng đã được tu bổ thường xuyên, hàng hóa được sắp xếp khoa học thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý, cấp phát theo đúng quy định của Tập đoàn.

+ Công tác lao động - tiền lương:

Chế độ đối với người lao động được thực hiện theo đúng các qui định của Nhà nước, của Tập đoàn và HĐQT Công ty về quản lý tiền lương và tiền thưởng phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của Công ty. Ban hành qui chế quản lý, sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng cũng như qui định thanh toán lương, trả lương theo chỉ tiêu giao khoán đến từng đơn vị trong Công ty. Mọi sản phẩm đều có đơn giá, tiền lương và được gắn liền với số lượng, chất lượng sản phẩm; trả lương trực tiếp đến người lao động, đúng kỳ hạn.

Số lượng cán bộ Cán bộ công nhân viên: 897 lao động, không có lao động thời vụ. Công ty thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động, đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất trực tiếp, chế độ nghỉ dưỡng sức, thăm hỏi động viên, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc cho người lao động. Thực hiện nghiêm túc các văn bản của Tập đoàn về tăng cường quản lý công tác tuyển dụng, sử dụng và tái cơ cấu lực lượng lao động. Kết quả trong năm đã giảm được 96 lao động với tổng số tiền hỗ trợ là 910,311 triệu đồng. *ly*



2. Tình hình tài chính

- Tình hình tài sản và nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018
1	Cơ cấu tài sản	
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	0,633
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0,367
2	Cơ cấu nguồn vốn	
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,658
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	0,342
3	Khả năng thanh toán	
	- Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả	1,52
	- Tổng TSLĐ và đầu tư ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	
	- Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	0,01
4	Tỷ suất lợi nhuận	
	<i>a) Lợi nhuận/doanh thu</i>	
	- LN trước thuế/Doanh thu thuần+DT hoạt động tài chính+thu nhập khác	0,017
	- LN sau thuế/Doanh thu thuần+ DT hoạt động tài chính+thu nhập khác	0,013
	<i>b) Lợi nhuận/Tổng tài sản</i>	
	- LN trước thuế/Tổng tài sản	0,047
	- LN sau thuế/Tổng tài sản	0,036
	<i>c) Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH</i>	0,105

2. Công tác bảo toàn và phát triển vốn

- Tổng tài sản thời điểm 31/12/2018 là 112,37 tỷ đồng bằng 76,2% so với đầu năm, nguồn vốn chủ sở hữu 38,46 tỷ đồng, bằng 100,4% so với đầu năm. Vốn đầu tư chủ sở hữu là 32,798 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế/ Vốn chủ sở hữu: 13,79%. Tổng nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu: 1,92 lần.

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản:

Năm 2018, giá trị đầu tư thực hiện (tăng tài sản): 1,79 tỷ đồng.

Giá trị TSCĐ và bất động sản đầu tư tăng năm trong 2018 là: 1,79 tỷ đồng do đầu tư trong năm. Khấu hao đã trích trong năm 2018 là: 30,941 tỷ đồng *ly*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:
- + Tổng số nợ phải trả đến 31/12/2018 : 73,915 tỷ đồng.
 - Trong đó: - Nợ đến hạn : 67,694 tỷ đồng
 - Nợ quá hạn (có khả năng thanh toán): 6,221 tỷ đồng
- + Tổng số nợ phải thu đến 31/12/2018 : 34,466 tỷ đồng.
 - Trong đó: - Nợ quá hạn (có khả năng thu hồi) : 1,7 tỷ đồng
 - Không có nợ phải thu khó đòi
- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động SXKD của Công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Trong năm 2018, công ty đã rà soát và sửa đổi bổ sung một số quy chế ban hành trong nội bộ công ty nhằm nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung: Nội quy lao động; Quy chế Quản lý LĐTL; Quy định quản lý, sử dụng quỹ Tương trợ; Quy định quản lý, sử dụng các quỹ đóng góp của NLĐ; Quy chế quản trị chi phí kinh doanh

Các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, nộp ngân sách, thực hiện chính sách chủ chương của Đảng, Nhà nước, bảo vệ môi trường... của công ty luôn được thực hiện nghiêm theo sự chỉ đạo của Tập đoàn, được các cấp đánh giá cao.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2018
- + Kế hoạch SXKD

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH
I	SẢN LƯỢNG		
1	V/c công nhân		
	- Theo vé	Vé	6.000.000
	- Theo TKM	Tkm	31.000.000
2	V/c than	Tkm	120.000
I	Doanh thu	Tr. đ	290.100
1	VC công nhân	Tr. đ	280.100
2	VC than	Tr. đ	500
3	S/c xe ngoài	Tr. đ	8.000
4	Thu khác	Tr. đ	1.500
II	Chi phí	Tr. đ	285.060
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đ	5.040
IV	Lao động bình quân	Người	868
V	Thu nhập bình quân	1.000 đ/N/T	8.079

- Mức cổ tức đạt $\geq 6\%$ trên vốn điều lệ. *ly*

+ Kế hoạch Đầu tư - xây dựng:

ĐVT: Triệu đồng

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ (Tr. đ)
I	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI			1.200
1	Đầu tư xe chỉ huy sản xuất năm 2019	Chiếc	1	1.200
II	CHUẨN BỊ DỰ ÁN			500
	Đầu tư xe ô tô chở CN duy trì sản xuất năm 2019	Chiếc	25	300
	Đầu tư xây dựng nhà xưởng, sân bãi đỗ xe khu vực Ưông Bí năm 2019	m2	500	200
III	DỰ PHÒNG			28.290
	Đầu tư xe ô tô chở CN duy trì sản xuất năm 2019 (kế hoạch năm tính 50% TMĐT)	Chiếc	25	25.690
	Đầu tư xây dựng nhà xưởng, sân bãi đỗ xe khu vực Ưông Bí năm 2019	m2	500	2.600
IV	TỔNG GIÁ TRỊ			29.990

+ Kế hoạch sửa chữa lớn

ĐVT: Triệu đồng

TT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ
I	Thiết bị vận tải			6.720
1	Xe Transico	Xe	16	6.720
II	Vật kiến trúc			4.200
1	Nhà trung tâm sản xuất công ty		1	4.200
	Cộng:			10.920

+ Các biện pháp chính để thực hiện:

- Đảm bảo an toàn trong tất cả mọi lĩnh vực SXKD. Giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhất là đối với cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của công ty. Nâng cao chất lượng dịch vụ: đưa đón công nhân, phục vụ khách tham quan du lịch, vận chuyển than, sửa chữa xe cho khách hàng. Tiếp tục triển khai phương án tái cơ cấu và phương án thoái vốn của TKV tại Công ty theo hướng dẫn của TKV nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Tiếp tục tổ chức nghiên cứu thị trường ngoài TKV mở hướng kinh doanh mới để tăng doanh thu, tạo thêm việc làm thu nhập cho người lao động, phấn đấu hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019. *ly*

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Báo cáo tài chính đã kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của công ty


a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Đối với dịch vụ đưa đón công nhân và vận chuyển than: Công ty thực hiện đúng các quy định, các cam kết về công tác bảo vệ môi trường của các khách hàng cũng như của cấp trên và các cơ quan chức năng.

- Đối với các cơ sở sản xuất của Công ty: Công ty có quy định cụ thể về công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh công nghiệp, thu gom rác thải và các chất nguy hiểm độc hại, có cán bộ phụ trách về công tác môi trường. Công ty ký hợp đồng với công ty môi trường đô thị và các công ty thu gom xử lý nước thải, chất thải, rác thải nguy hiểm độc hại để xử lý theo quy định. Tổ chức phun nước dập bụi, trồng cây xanh cải thiện điều kiện làm việc cảnh quan môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định, hướng dẫn của Nhà nước, của Tập đoàn và của Công ty về công tác TCLĐ - TL. Sửa đổi, bổ sung Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, lấy ý kiến tham gia của Người lao động, ban hành Hệ thống Thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong Công ty. Xây dựng và đăng ký lại Nội quy lao động. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản trong công tác TCLĐ - TL theo đúng quy định của cấp trên và phù hợp với thực tế của Công ty. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc các đơn vị trả lương đúng quy chế của Công ty và hướng dẫn của Tập đoàn (*ưu tiên đảm bảo tiền lương cho sản xuất chính*). Bổ sung tiền lương nhân các dịp lễ, tết. Thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước, phân cấp quản lý của Tập đoàn về chế độ chi trả bồi dưỡng độc hại, BHLĐ và mua BHXH, BHYT, BHTN cho CNLĐ theo quy định. Giải quyết trang bị BHLĐ các nhân, bồi dưỡng độc hại kịp thời, đầy đủ, đúng chế độ đối với người lao động.

- Thực hiện đúng các quy định về công tác Y tế, chăm sóc sức khỏe NLĐ, tổ chức tốt công tác thường trực cấp cứu KCB ngoại trú cho CBCNV Công ty cả 3 vùng Cẩm Phả, Hạ Long, Uông Bí. Tổ chức huấn luyện kiến thức ATVSTP cho 21/21 cán bộ quản lý và lao động cấp dưỡng. Tổ chức tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, phun thuốc diệt côn trùng gây bệnh. Kiểm tra vi khí hậu môi trường lao động; lập và quản lý hồ sơ vệ sinh lao động. Tổ chức khám SKĐK cho CBCNV theo quy định, có đầy đủ hồ sơ khám SKĐK, phân loại sức khỏe, theo dõi điều trị cho công nhân có sức khỏe loại IV, loại V. Duy trì tủ thuốc ở các đơn vị, túi thuốc sơ cứu trên xe công nhân. Tổ chức phục vụ ăn giữa ca, bồi dưỡng ca 3 đảm bảo định lượng, chất lượng, an toàn VSTP. 

- Thường xuyên duy trì và có nhiều biện pháp cải thiện điều kiện cơ sở vật chất tại nơi làm việc cho người lao động như: Sửa chữa cải tạo xây dựng hệ thống nhà xưởng, nhà điều hành SX và các thiết bị phục vụ ăn, nghỉ cho công nhân cả ba vùng Cẩm Phả, Hạ Long, Uông Bí. Duy trì tốt công tác vệ sinh nhà nghỉ giữa tầm cho lái xe chở người. Tổ chức cho 48 CNVCLĐ đi tham quan du lịch tại Thái Lan, 53 CNCB đi nghỉ dưỡng tại Trà Cổ, Ninh Bình, 01 chuyên chuyển học tập kinh nghiệm các tỉnh tại Trung Quốc cho 40 đối tượng CBVC. Hỗ trợ 18 chuyên xe để các phân xưởng, khối phòng ban tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ cuối tuần.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương và người lao động trong Công ty:

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị NLĐ năm 2018 về tự nguyện đóng góp xây dựng các quỹ. Công ty đã tổ chức thăm hỏi, giúp đỡ CNLĐ khó khăn, tham gia các hoạt động VH TT, nhân đạo từ thiện, công tác xã hội đảm bảo đúng quy định, cụ thể:

- Thực hiện các quỹ đóng góp

TT	NỘI DUNG	SỐ DƯ 01/01/2018 (Đ)	THU NĂM 2018 (Đ)	CHI NĂM 2018 (Đ)	DƯ ĐẾN NGÀY 31/12/2018 (Đ)
1	Quỹ hỗ trợ thăm hỏi	0	245.400.000	245.400.000	0
2	Quỹ VH TT, công tác XH và quỹ vì người nghèo	805.407.871	531.700.000	475.440.000	861.667.871
3	Quỹ tham quan	73.250	204.500.000	204.500.000	73.250
4	Quỹ mái ấm Công đoàn	5.840.000	32.720.000	32.720.000	5.840.000

- Thực hiện quỹ khen thưởng, phúc lợi

TT	NỘI DUNG	SỐ DƯ 01/01/2018 (Đ)	THU NĂM 2018 (Đ)	CHI NĂM 2018 (Đ)	DƯ ĐẾN NGÀY 31/12/2018 (Đ)
1	Quỹ khen thưởng	2.569.781	898.175.779	719.847.000	180.898.560
2	Quỹ phúc lợi	48.003.412	898.175.779	608.850.000	337.329.191

- Trích nộp kinh phí Công đoàn:

TT	NỘI DUNG	SỐ DƯ 01/01/2018 (Đ)	SỐ TRÍCH NỘP (Đ)	SỐ ĐÃ NỘP (Đ)	DƯ ĐẾN NGÀY 31/12/2018 (Đ)
	Kinh phí công đoàn	25.075.600	911.144.300	930.000.000	6.219.900

ly

- Bảo hiểm xã hội, BH Y tế, BH thất nghiệp:

TT	NỘI DUNG	SỐ DƯ 01/01/2018 (Đ)	SỐ PHẢI NỢP (Đ)	SỐ ĐÃ NỢP (Đ)	DU ĐẾN NGÀY 31/12/2018 (Đ)
1	Bảo hiểm xã hội	-10.546.250	11.570.657.658	11.561.623.728	-1.512.320
2	Bảo hiểm Y tế		2.070.335.946	2.070.335.946	
3	Bảo hiểm thất nghiệp		904.484.037	904.484.037	

e) Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn và của địa phương, ngay từ đầu năm Công ty đã xây dựng và tổ chức phong trào thi đua, các hoạt động VHMT nhằm tạo khí thế sôi nổi trong hoạt động SXKD, cụ thể:

- Về công tác sáng kiến: Phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất của Công ty tiếp tục được duy trì, góp phần tích cực kịp thời giải quyết khó khăn trong sản xuất; nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, tạo không khí lao động hăng say thi đua trong LDSX của CBCNV trong toàn Công ty. Năm 2018, công tác sáng kiến đạt tiêu chuẩn 42/48 giải pháp với giá trị làm lợi trên 700 triệu đồng, thưởng 36,3 triệu đồng.

- Về thực hiện công trình việc khó: Duy trì tốt phong trào đăng ký đảm nhận công trình của các đơn vị, các tổ chức đoàn thể trong công ty. Trong năm đã thực hiện 09 công trình góp phần tháo gỡ khó khăn trong sản xuất với giá trị trên 2,8 tỷ đồng.

- Thực hiện tốt phong trào thi đua đạt năng suất cao, tổ xe máy hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm 2018. Thông qua phong trào đã động viên toàn thể người lao động trong Công ty hăng hái thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ. Kết quả đã có 44 đầu xe đạt năng suất cao, 18 tổ sản xuất hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm. Tổng số tiền thưởng, khuyến khích cho các cá nhân, đơn vị có nhiều thành tích trong LDSX là 283.300.000 đồng.

- Tổ chức giải cầu lông 26/3, tham gia thi đấu cầu lông, bóng bàn; cờ vua, cờ tướng và Hội diễn văn nghệ quần chúng của TKV. Thực hiện tốt các hoạt động chào mừng kỷ niệm 82 năm ngày truyền thống CN vùng mỏ-Truyền thống ngành than. Triển khai kế hoạch tuyên truyền và tổ chức trang trí, khánh tiết, tuyên truyền trực quan các dịp chào mừng, kỷ niệm, lễ tết tạo không khí sôi nổi lành mạnh trong thi đua lao động sản xuất.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Năm 2018, với sự chỉ đạo sáng tạo và linh hoạt của ban lãnh đạo Công ty, sự điều hành có tính kế hoạch cao và hiệu quả của hệ thống quản lý, sự đoàn kết thống nhất các tổ chức đoàn thể, sự nỗ lực cố gắng của các phòng ban phân xưởng Công ty đã khắc phục được những khó khăn, hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD, thực hiện tốt nhiệm vụ duy trì nâng cao chất lượng dịch vụ đưa đón công nhân mỏ, bảo toàn phát triển vốn Chủ sở hữu, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cổ đông. *ly*

Công tác thanh toán công nợ trong năm đã có chuyển biến tích cực, đảm bảo tài chính, thu xếp vốn đáp ứng tốt cho tất cả nhu cầu hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty. Công tác lập kế hoạch tài chính ngắn và trung hạn, quản lý dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đều được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ đã góp phần nâng cao năng lực công tác quản lý tài chính, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Thực hiện tốt công tác môi trường, công tác xã hội theo đúng quy định của pháp luật, của Tập đoàn và theo các yêu cầu của địa phương.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Giám đốc Công ty đã kịp thời triển khai các chủ trương chỉ đạo của Tập đoàn; tăng cường các biện pháp quản lý, tổ chức - điều hành sản xuất, tiết kiệm chi phí; tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ nhất là dịch vụ đưa đón công nhân. Giám đốc - Ban thường vụ Công đoàn Công ty đã ban hành kế hoạch phát động phong trào thi đua năm 2018 động viên toàn thể CNCB thi đua lao động sản xuất hoàn thành kế hoạch được giao. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục CNLĐ hiểu rõ những khó khăn, cơ hội phát triển của Công ty và có ý thức, trách nhiệm cùng vượt khó, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ trên từng cương vị công tác. Qua đó, năm 2018, SXKD của Công ty đã hoàn thành kế hoạch Tập đoàn giao, việc làm, thu nhập được ổn định, đời sống tinh thần vật chất của người lao động được cải thiện, các mặt an toàn an ninh trật tự được giữ vững. Hoạt động của BGD đúng theo sự chỉ đạo, điều lệ công ty, triển khai đầy đủ nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT, thực hiện đúng theo chính sách của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tăng cường các biện pháp quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả SXKD. Đảm bảo đủ việc làm, ổn định thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống tinh thần vật chất của người lao động. Bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi nhuận, quyền lợi của cổ đông. Ưu tiên đầu tư thiết bị nâng cao chất lượng phục vụ và mở rộng dịch vụ đưa đón công nhân các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn và các khách hàng. Đào tạo, phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất của công ty. Đổi mới, thu gọn, hoàn thiện cơ cấu tổ chức; rà soát, bố trí lao động theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Năm 2018 và những năm tiếp theo Công ty tiếp tục phát huy những thành quả mà Công ty đã đạt được trong những năm qua, sẵn sàng vượt qua những khó khăn, thách thức, tìm kiếm cơ hội tăng trưởng mở rộng sản xuất; đầu tư, xây dựng, nâng cao hiệu quả SXKD. Phấn đấu xây dựng môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiệu quả vì sự phát triển bền vững của Công ty. *ly*

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2017	
			Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước	Sở hữu cá nhân
1	Ông: Vũ Đức Tuấn	Chủ tịch HĐQT	3.123.809 cổ phần	-
2	Ông: Phan Văn Cường	Thành viên HĐQT		1.073 cổ phần
3	Ông: Hoàng Minh Sơn	Thành viên HĐQT		1.073 cổ phần

Hội đồng quản trị gồm 03 thành viên, trong đó Chủ tịch HĐQT hoạt động kiêm nhiệm, 02 thành viên tham gia điều hành. Các thành viên HĐQT được phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình theo sự phân công của HĐQT.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban trực thuộc.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, các văn bản quy định liên quan và quy chế phối hợp với Ban chấp hành đảng bộ công ty. Trong năm 2018, Hội đồng quản trị công ty đã chỉ đạo bộ máy điều hành quản lý công ty chặt chẽ, minh bạch, đúng pháp luật, điều lệ Công ty và tuân thủ các quy định của Tập đoàn.

HĐQT đã chỉ đạo 01 lần Đại hội đồng cổ đông thường niên. Tổ chức 15 lần họp toàn thể (có 04 lần họp thường kỳ, 11 lần họp phát sinh để giải quyết các vấn đề liên quan trong sản xuất), ban hành 19 Nghị quyết chỉ đạo sản xuất kinh doanh. Bám sát các chủ trương kế hoạch, các giải pháp chỉ đạo của Tập đoàn cũng như thực tế sản xuất của Công ty để kịp thời chỉ đạo bộ máy điều hành khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất. Sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý trong nội bộ công ty nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản trị Doanh nghiệp. Qua đó, các mặt hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh, thực hiện chủ chương chính sách của Đảng, Nhà nước, bảo vệ môi trường... của công ty đạt kết quả tốt, được cấp trên đánh giá cao.

Tôn trọng quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, điều lệ Công ty. Tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Tiếp thu, xem xét giải quyết các kiến nghị của Ban kiểm soát để khắc phục, hoàn thiện các mặt quản lý.

Phối hợp với tổ chức Đảng, Công đoàn trong công ty nhằm thực hiện nghiêm túc hiệu quả các chỉ thị nghị quyết, văn bản của các cấp có thẩm quyền vì mục tiêu chung của Công ty.

Giao chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm cho Ban Giám đốc. Tiếp tục củng cố kiện toàn bộ máy lãnh đạo quản lý từ Công ty đến các phòng ban, phân xưởng. Kịp thời ra các nghị quyết và ban hành các quyết định quản lý, các biện

pháp giải quyết tồn đọng, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc và các giải pháp tổ chức, triển khai thực hiện và điều hành quản lý.

Định kỳ sơ kết sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, năm kiểm điểm các mặt hoạt động công tác trong tổng thể hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ ra những mặt được và chưa được để có những uốn nắn, rút kinh nghiệm.

e) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 100% các thành viên HĐQT đã qua các lớp học về đào tạo quản trị doanh nghiệp.

1. Ông: Vũ Đức Tuấn - Chủ tịch HĐQT

- Giới tính : Nam

- Số CMTND: 100624782

+ Ngày cấp: 16/5/2007

+ Nơi cấp : Công an tỉnh Quảng Ninh

- Ngày tháng năm sinh: 20/10/1959

- Nơi sinh : Cẩm Phả - Quảng Ninh

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú: Tổ 3B, khu 6, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02033 626 019

- Trình độ văn hoá : 10/10

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

+ Trưởng ban - Thành viên ban Quản lý vốn Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam;

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ- Vinacomin

+ Chủ tịch Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải- TKV

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đại lý Hàng Hải- Vinacomin

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giám định- Vinacomin

- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:

- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:

+ Sở hữu cá nhân: Không

+ Sở hữu đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam:

3.123.809 cổ phần Chiếm: 95,24 Vốn điều lệ

- Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không *ly*

2. Ông: Phan Văn Cường- Giám đốc - Thành viên TT HĐQT

- Giới tính : Nam
- Số CMTND: 100232950
- + Ngày cấp: 31/3/2004
- + Nơi cấp : Công an tỉnh Quảng Ninh
- Ngày tháng năm sinh: 24/01/1965
- Nơi sinh : Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 1, khu Hoà Lạc, Phường Cẩm Bình, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Chỗ ở hiện tại: Tổ 3. Khu 6B, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0333 02033 862 828
- Trình độ văn hoá : 10/ 10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Ô tô và Máy kéo
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Bí thư đảng ủy công ty CP Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin.
- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:
- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:
- + Sở hữu cá nhân: 1.073. Chiếm: 0,032 Vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không

3. Ông: Hoàng Minh Sơn - Phó giám đốc - Thành viên HĐQT

- Giới tính : Nam
- Số CMND: 100504760
- + Ngày cấp: 28/7/1993
- + Nơi cấp : Công an tỉnh Quảng Ninh
- Ngày tháng năm sinh: 10/10/1971
- Nơi sinh : Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 31, Hoà Lạc, phường Cẩm Bình, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 02033 862 278 



- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí Ô tô
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:
- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:
- + Sở hữu cá nhân: 1.073. Chiếm: 0,032 Vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên cơ cấu Ban kiểm soát

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2018	
			Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước	Sở hữu cá nhân
1	Ông: Phạm Xuân Phong	Trưởng Ban KS	-	-
2	Ông: Nguyễn Ngọc Thành	Thành viên Ban KS		292cổ phần
3	Bà: Trịnh Thị Huệ	Thành viên Ban KS		195cổ phần

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên hoạt động kiêm nhiệm. Các thành viên Ban Kiểm soát được phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình theo sự phân công của Trưởng ban Kiểm soát.

1. Ông: Phạm Xuân Phong - Trưởng ban Kiểm soát

- Giới tính : Nam
- Số CMTND: 013240406
- + Ngày cấp: 23/12/2009
- + Nơi cấp : Công an TP. Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 12/10/1964
- Nơi sinh : Kim Bảng, Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phố Dương Quảng Hàm - Phường Quan Hoa - Quận Cầu Giấy - TP Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02438515807
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- + Phó trưởng Ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam


- + Trưởng Ban Kiểm soát Công CP Than Miền Trung TKV
- + Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin
- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:
- + Sở hữu cá nhân: Không
- + Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không

2. Ông: Nguyễn Ngọc Thành - Thành viên ban Kiểm soát

- Giới tính : Nam
- Số CMTND: 100449075
- + Ngày cấp: 14/6/2010
- + Nơi cấp : Công an tỉnh Quảng Ninh
- Ngày tháng năm sinh: 19/8/1968
- Nơi sinh : Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 3, khu 3B, phường Cẩm Trung, Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02033 862344
- Trình độ văn hoá : 12/ 12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghệ chế tạo máy
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Quản đốc Phân xưởng vận tải số 8, công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin.
- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:

- + Sở hữu cá nhân: 292 Chiếm: 0,0089% Vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không

3. Bà: Trịnh Thị Huệ - Thành viên ban Kiểm soát

- Giới tính : Nữ
- Số CMTND: 100449876
- + Ngày cấp: 30/12/2005
- + Nơi cấp : Công an tỉnh Quảng Ninh
- Ngày tháng năm sinh: 08/01/1966
- Nơi sinh : Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam 

- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khu Minh Tiến A, phường Cẩm Bình, Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02033 863022
- Trình độ văn hoá : 10/ 10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Nhân viên phòng Kế toán- Thống kê, công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin.
- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:
 - + Sở hữu cá nhân: 195 Chiếm: 0,0059% Vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

- Thực hiện theo quy định pháp luật, điều lệ Công ty, quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát

- Đại diện cho các cổ đông để kiểm soát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Kiểm tra, kiểm soát việc ban hành các văn bản quản lý nội bộ, tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định, các quy chế, quy định của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc công ty.

- Tham dự các cuộc họp của hội đồng quản trị, có ý kiến về sửa đổi bổ sung ban hành các quy chế quy định quản lý; công tác cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. HĐQT, Ban giám đốc đã cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời, tạo điều kiện cho BKS thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Kiểm soát hoạt động quản lý, điều hành của Chủ tịch HĐQT, Giám đốc đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, chủ sở hữu công ty, điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của đơn vị.

Tổ chức thường xuyên việc kiểm tra, kiểm soát theo chức năng nhiệm vụ được giao, gồm:

+ Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, thực hiện các mục tiêu chiến lược và mục tiêu kế hoạch của đơn vị.

+ Giám sát hoạt động của Giám đốc, ban lãnh đạo điều hành Công ty thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh đã ký giữa Giám đốc Công ty và Tổng giám đốc TKV, việc tổ chức thực hiện các quy định về quản lý nội bộ TKV đã ban hành. *ly*

+ Kiểm soát tình hình hoạt động SXKD của Công ty, kiểm soát báo cáo thực hiện đầu tư XDCB và báo cáo tài chính hàng quý và năm 2018 của Công ty, xem xét các báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán độc lập, báo cáo khác.

+ Xem xét việc ban hành hệ thống quy chế, quy định của Công ty.

+ Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (bao gồm nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ tài chính khác...)

+ Tổ chức thực hiện các quyền của TKV.

+ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

+ Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính của đơn vị, báo cáo đánh giá công tác quản lý của đơn vị

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do TKV phân công và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, các báo cáo khác trước khi trình chủ sở hữu và cơ quan liên quan.

- Thực hiện các báo cáo định kỳ, đột xuất và các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của chủ sở hữu.

- Kết hợp với Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty để kiểm soát việc quản lý và sử dụng phần vốn của Tập đoàn, nhằm bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước.

- Trong năm 2018, BKS đó thực hiện tốt chức năng của mình, như: giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và quý của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

- **Chứng chỉ đào tạo:** 100% các thành viên HĐQT, BKS, Ban giám đốc đó qua các lớp học về đào tạo quản trị doanh nghiệp.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 (ngày 24/4/2018) đã thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo các mức như sau: *ly*

- Mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

TT	CHỨC DANH	MỨC LƯƠNG VCQL CHUYÊN TRÁCH (Theo QĐ 279/QĐ- TKV ngày 23/02/2017)	MỨC THÙ LAO HÀNG THÁNG
1	Chủ tịch HĐQT	25.700.000	25.700.000đ x 19%= 4.883.000đ
2	Ủy viên HĐQT	21.900.000	21.900.000đ x 19%= 4.161.000đ
3	Trưởng BKS	21.900.000	21.900.000đ x 19%= 4.161.000đ
4	Ủy viên BKS	21.900.000	21.900.000đ x 19%= 4.161.000đ

* Mức thù lao trên áp dụng theo quyết định số: 279/QĐ-TKV ngày 23/02/2017 của Tổng giám đốc Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam về quy định mức tiền lương (tháng, ngày, giờ), hệ số giãn cách tiền lương một số vị trí công việc và cơ chế trả lương theo vị trí việc làm áp dụng trong TKV.

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích tại công ty:

ĐVT: VND

S TT	Họ và tên	Thành phần	Thù lao /năm 2018	Tiền lương /năm 2018
1	Vũ Đức Tuấn	Chủ tịch HĐQT	58.596.000	
2	Phan Văn Cường	Thành viên HĐQT	49.932.000	237.340.000
3	Hoàng Minh Sơn	Thành viên HĐQT	49.932.000	210.940.000
5	Phạm Xuân Phong	Trưởng Ban kiểm soát	41.608.000	
6	Nguyễn Ngọc Thành	Thành viên Ban kiểm soát	49.932.000	139.560.000
7	Trịnh Thị Huệ	Thành viên Ban kiểm soát	49.932.000	63.710.000
	Tổng cộng		308.256.000	651.950.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Giám đốc, trưởng phòng Kế toán, các cán bộ quản lý, thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên chưa có giao dịch cổ phiếu.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

e) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty luôn tuân thủ theo quy định của pháp luật và các quy định của Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Kiểm toán độc lập: Công ty TNHH PKF Việt Nam (địa chỉ: tầng 10, tòa nhà Center Building, Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội).

- Ý kiến kiểm toán độc lập: Xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. *ly*

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VP, TK Công ty.

GIÁM ĐỐC



Phan Văn Cường

